

Số: /QĐ-SYT

Đắk Lắk, ngày tháng 4 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

### Cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tuần 16 năm 2026

#### GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Biên bản họp ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Sở Y tế.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 70 cá nhân đủ điều kiện (Chi tiết theo phụ lục I đính kèm).

**Điều 2.** Thu hồi 12 Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề sau cấp mới, cấp lại giấy phép hành nghề (Chi tiết theo phụ lục II đính kèm).

**Điều 3.** Ông (bà) được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

**Điều 4.** Ông (bà) có tên tại Điều 2 không được sử dụng Chứng chỉ hành nghề do Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk đã thu hồi tại Quyết định này để hành nghề khám bệnh, chữa bệnh dưới bất kỳ hình thức nào kể từ ngày Quyết định có hiệu lực. Việc tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chỉ được phép khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 19, Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 09/01/2023.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ông (bà) có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (đăng tải);
- Lưu: VT, NVYD (01b).

KT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Vũ Quang

**Phụ lục I**  
**DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI**  
**GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TUẦN 16 NĂM 2026**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 04 năm 2026 của Sở Y tế)*

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Nguyễn Thị Thùy Linh	23/06/2003	066303013808	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001907/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
2	Trần Quang Sỹ	16/11/2003	066203017737	10/05/221	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001908/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
3	Hving H Lúc	12/12/2003	054303003728	03/10/2024	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001909/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
4	Phan Ngọc Tân	22/02/2003	066203001034	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001910/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
5	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	02/02/2004	066304010546	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001911/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
6	Hoàng Thị Thúy Hân	22/02/2004	066304005740	27/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001912/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
7	Đỗ Hoàng Phong	19/08/2003	066203008119	16/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	001913/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
8	Trần Thị Kiều Phương	20/08/2003	066303003594	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001914/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
9	Nguyễn Thái Trọng	16/08/2004	066204008826	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001915/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
10	Lưu Thị Thùy Dung	03/05/2003	066303001940	03/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001916/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
11	Lê Thủy Tiên	10/03/2000	054300005875	23/01/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001917/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
12	Lục Thị Phương Thảo	23/06/2003	066303013372	13/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001918/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
13	Hàn Thị Thu Thủy	27/02/1996	066196045278	09/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001919/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
14	Lê Mai Thảo Nhi	30/11/2003	066303010830	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001920/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
15	Nguyễn Quang Khải	28/08/2004	066204011453	17/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001921/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
16	Nguyễn Thị Phương	11/06/1994	066194004256	28/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Đa khoa	001922/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
17	Vũ Thị Phương Thúy	01/06/1984	036184015495	04/06/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001923/ĐL-GPHN	22/04/2026	22/04/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
18	Vi Thị Nga	25/06/1990	067190002359	11/10/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	001924/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
19	Bùi Thị Thu Hằng	12/07/2000	034300015173	20/06/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001925/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
20	Văn Thị Mỹ Hiên	12/04/2004	054304007148	09/03/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001926/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
21	Nguyễn Thị Thanh Thảo	25/08/2002	054302009531	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001927/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
22	Đặng Thị Khánh Linh	13/03/2003	066303017499	02/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001928/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
23	Đinh Thị Thanh Vân	13/08/2004	066304004939	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001929/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
24	Nguyễn Thị Ngân	10/02/2003	066303008408	02/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001930/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
25	H Ly Dy Kbuôr	12/01/1999	066199001034	27/11/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001931/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
26	Vinh Nữ Bé Diệu Huyền	24/11/1994	066194017212	16/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001932/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
27	H Dinh Niê Kdăm	10/08/2004	066304016462	20/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001933/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
28	Dương Nguyễn Quốc Cường	24/11/2003	054203001462	29/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001934/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
29	Ngô Thị Trúc Ly	20/06/2002	066302007073	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001935/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
30	Phùng Thị Mỹ Hào	28/01/1997	066197021130	15/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001936/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
31	Trần Thị Kim Tình	10/03/2003	054303005012	09/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001937/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
32	Nguyễn Hồ Kim Yên	02/10/2000	054300008802	28/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001938/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
33	Sô Thị Hồng Thắm	22/01/2003	054303003726	05/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001939/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
34	Nguyễn Văn Chiến	26/06/1983	066083000458	21/12/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	001940/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
35	Phạm Thị Thanh Nhân	14/07/2003	066303011723	20/09/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001941/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
36	Nguyễn Ngọc Trí	04/12/2003	066203003783	29/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001942/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
37	Nguyễn Thanh Tâm	04/12/2003	066303004254	29/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001943/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
38	Trần Đoàn Bảo Trâm	06/12/2003	054303003615	10/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001944/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
39	Huỳnh Thị Như Quỳnh	14/01/2003	054303001829	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001945/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
40	Nguyễn Đặng Minh Khôi	02/03/2003	067203000773	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001946/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
41	Nguyễn Huỳnh Diễm Ngọc	20/04/2003	086303007055	20/07/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001947/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
42	Trần Văn Nguyên	05/01/2003	042203013715	13/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Hình ảnh y học	001948/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
43	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	30/10/2000	066300006400	08/10/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001949/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
44	Nguyễn Nữ Quỳnh Như	10/08/2003	054303000245	02/03/2021	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001950/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
45	Dương Minh Minh	08/12/2000	054300006533	31/10/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001951/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
46	Nguyễn Thị Thu Trinh	01/07/2002	054302002641	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001952/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
47	Tôn Cẩm Tú	09/03/2000	054300007521	08/04/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001953/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
48	Nguyễn Như Quỳnh	08/06/1992	068192007189	04/01/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001954/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
49	Võ Thị Ngân Thủy	24/03/1999	054199007863	25/06/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001955/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
50	H Mat Ktla	08/01/2003	066303012425	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001956/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
51	Phan Thị Thủy Tiên	20/11/2000	054300007359	27/09/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001957/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
52	Đào Thị Bích Phượng	24/10/2003	066303016683	13/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001958/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
53	Hoàng Thị Hạnh	10/06/1988	066188001049	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001959/ĐL-GPHN	22/04/2026	22/04/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
54	Trần Thị Uyên	09/04/1999	040199022709	15/04/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001960/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
55	Nguyễn Minh Hùng	02/03/1998	054098009446	13/05/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Chuyên khoa Nhi	001961/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
56	Phạm Khánh Hằng	04/12/2000	054300010085	05/05/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001962/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
57	Phạm Nguyễn Phương Nhi	14/08/2003	054303005061	09/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001963/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
58	Nguyễn Thị Hồng Linh	22/04/2002	066302005939	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001964/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
59	Nguyễn Đông Khanh	27/06/2000	066300012964	05/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001965/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
60	Nguyễn Ngọc Toàn	19/04/2000	066200009228	28/03/2025	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001966/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp mới (lần đầu)
61	Trần Thị Hồng Huệ	08/05/1993	066193003967	02/01/2023	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001967/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp lại

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
62	Võ Tô Phương Thi	09/07/1994	054194007306	08/05/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	001745/ĐL-GPHN	22/04/2026	12/02/2031	Cấp lại
63	Cao Thị Minh Thái	31/12/1962	066162000535	19/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001969/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp lại
64	Lê Thị Kim Chung	01/12/1999	054199005484	06/01/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001970/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp lại
65	Phạm Thị Thủy Trang	15/02/1988	245040753	16/03/2005	Đắk Nông	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001971/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp lại
66	Nguyễn Thị Lệ	06/09/1992	052192002560	22/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001972/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp lại
67	Trần Thị Anh	12/08/1989	038189042805	21/09/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001973/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp lại

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
68	Nguyễn Hồ Huy Hoàng	05/06/1991	066091004751	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Chuyên khoa Ngoại; Chuyên khoa tạo hình thẩm mỹ; Chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	001974/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp lại
69	Lê Thị Bích Thủy	18/05/1993	066193015790	10/05/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Đa khoa	000693/ĐL-GPHN	22/04/2026	10/10/2029	Cấp lại
70	Hồ Thị Thanh	03/09/1993	066193016970	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001976/ĐL-GPHN	22/04/2026	20/04/2031	Cấp lại

*Danh sách bao gồm 70 cá nhân./.*

**Phụ lục II**  
**DANH SÁCH THU HỒI**  
**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ/GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 16 NĂM 2026**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 04 năm 2026 của Sở Y tế)*

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
1	Vũ Thị Phương Thúy	01/06/1984	240804834	002261/ĐL-CCHN	29/10/2013	Kỹ thuật viên	Chuyên khoa Xét nghiệm	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
2	Hoàng Thị Hạnh	10/06/1988	240990357	0006155/ĐL-CCHN	07/12/2015	Y sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
3	Trần Thị Hồng Huê	08/05/1993	066193003967	010838/ĐL- CCHN	20/09/2023	Trung cấp Điều dưỡng	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuan chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
4	Võ Tô Phương Thi	09/07/1994	221366710	001745/ĐL- GPHN	12/02/2026	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
5	Cao Thị Minh Thái	31/12/1962	241222518	002719/ĐL- CCHN	16/12/2013	Điều dưỡng (Trung cấp)	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
6	Lê Thị Kim Chung	01/12/1999	221490022	003603/PY-CCHN	30/11/2021	Điều dưỡng viên	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/ 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
7	Phạm Thị Thuỳ Trang	15/02/1988	245040753	002961/ĐL-CCHN	26/12/2013	Cao đẳng điều dưỡng đa khoa	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
8	Nguyễn Thị Lệ	06/09/1992	221423852	002967/PY-CCHN	25/01/2019	Điều dưỡng viên	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
9	Trần Thị Anh	12/08/1989	241675557	0003795/ĐL-CCHN	11/04/2014	Cao đẳng điều dưỡng	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
10	Nguyễn Hồ Huy Hoàng	05/06/1991	241285150	- 007589/ĐL-CCHN; - Quyết định số 1056/QĐ-SYT; - Quyết định số 0517/QĐ-SYT; - Quyết định số 0578/QĐ-SYT	- 16/08/2017; - 13/9/2021; - 10/4/2026; - 15/4/2026	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa; Chuyên khoa Tạo hình thẩm mỹ; Chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
11	Lê Thị Bích Thủy	18/05/1993	066193015790	000693/ĐL-GPHN	10/10/2024	Y sĩ	Đa khoa	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
12	Hồ Thị Thanh	03/09/1993	241425045	0005824/ĐL- CCHN	03/08/2015	Cao đẳng điều dưỡng	Quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

*Danh sách bao gồm 12 cá nhân./.*